

Bản án số: 45/2025/HS - PT
Ngày 25 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Thành
Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 58/2025/TLPT – HS ngày 29 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo [Nguyễn Thị T](#), do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS - ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo có kháng cáo: [Nguyễn Thị T](#) (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16 tháng 02 năm 1985 tại tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: [K, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#); nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Bá Q](#) và bà [Nguyễn Thị N](#); chồng: [Nguyễn Hữu T1](#); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này có bị hại là [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#) và người làm chứng [Nguyễn Minh Đ](#), [Nguyễn Thị Huyền T2](#) nhưng kháng cáo của bị cáo không liên quan đến những người này nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2022, [Nguyễn Thị T](#) là nhân viên kế toán của [Công ty M](#) (địa chỉ: [thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#)). [Nguyễn Thị T](#)

được giao nhiệm vụ kế toán phụ trách lập danh sách chứng từ và phụ giúp thực hiện việc chi trả tiền lương cho công nhân, nhận tiền từ ngân hàng về nhập quỹ Công ty và chi trả một số công nợ của Công ty khi có yêu cầu, ngoài ra [Nguyễn Thi T](#) còn được giao nhiệm vụ quản lý quỹ công đoàn của Công ty. Ngày 26/8/2022, [Nguyễn Thi T](#) được giao nhiệm vụ đến [Ngân hàng B - Chi nhánh huyện Q](#) rút 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) để chi trả tiền lương cho công nhân và thanh toán một số công nợ khác của Công ty. Sau khi về nhập quỹ, [Nguyễn Thi T](#) nhận 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) từ chị [Nguyễn Thị Huyền T2](#) là thủ quỹ Công ty để thực hiện việc chi trả tiền lương cho công nhân và chi trả công nợ của Công ty, nhưng [Nguyễn Thi T](#) không thực hiện việc chi trả lương cho công nhân mà dùng số tiền đó tiêu vào việc riêng, sau đó trốn khỏi Công ty. Qua kiểm tra các loại tiền do [T](#) được giao quản lý của Công ty xác định [Nguyễn Thi T](#) còn chiếm đoạt 22.256.511 đồng quỹ Công đoàn và tiền lương chưa trả cho công nhân. Tổng số tiền [Nguyễn Thi T](#) chiếm đoạt của [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#) 142.256.511 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm mười một đồng). [Nguyễn Thi T](#) đã bồi thường được số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh đã quyết định: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thi T](#) phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 253 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo [Nguyễn Thi T](#) 5 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc bị cáo bồi thường dân sự, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh nhận được đơn kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thi T](#) với nội dung: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo [Nguyễn Thi T](#) thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản án sơ thẩm, bị cáo [T](#) giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thi T](#), giảm hình phạt cho bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù; buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại 22.256.511 đồng cho [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#), bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, nhưng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn lại phải bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 21 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 22/2025/HS – ST. Ngày 28 tháng 4 năm 2025, bị cáo [Nguyễn Thị T](#) làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định và đúng quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo [Nguyễn Thị T](#) thừa nhận với nhiệm vụ được giao là nhân viên kế toán phụ trách lập danh sách chứng từ và phụ giúp thực hiện việc chi trả tiền lương cho công nhân, nhận tiền từ Ngân hàng về nhập quỹ Công ty, chi trả một số công nợ và quản lý quỹ công đoàn của của [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#). Năm 2022 bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty 142.256.511 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm mười một đồng)

[3] Lời khai nhận của bị cáo [Nguyễn Thị T](#) tại phiên tòa phúc thẩm đúng với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị T](#) phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[4] Việc bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy: Bị cáo 02 lần chiếm đoạt tài sản, với tổng số 142.256.511 đồng của [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#), do đó bị cáo bị xét xử theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với khung hình phạt 7 năm đến 15 năm tù. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường được 20.000.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử cho bị cáo 5 (năm) năm tù là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, mức hình phạt này phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình giấy xác nhận nộp tiền của của [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#) do ông [Nguyễn Tiến H](#) giám đốc công ty ký và đóng dấu Công ty với nội dung, sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11 và 16/6/2025 Công ty đã nhận tại bị cáo [Nguyễn Thị T](#) và gia đình bị cáo chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), đến ngày 25/6/2025 bị còn phải bồi thường 22.256.511 đồng. Như vậy bị cáo đã bồi thường được hơn 85% số tiền đã chiếm đoạt của [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#), đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng

cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù so với hình phạt của bản án sơ thẩm.

[5] Bị cáo xin được hưởng án treo thấy: Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì, khi xử phạt tù không quá 3 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo. Trong vụ án này bị cáo bị xử phạt trên 3 năm tù nên không đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo. Mặt khác theo hướng dẫn tại mục 1 Điều 2 và mục 1, 2, 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/VBHN – TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo [Nguyễn Thị T](#) không đủ để được hưởng án treo. Do đó nội kháng cáo này của bị cáo không được chấp nhận.

[6] Tại Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#) 122.256.511 đồng, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo đã bồi thường thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), do đó cần sửa phân trách nhiệm dân sự theo hướng buộc bị cáo phải bồi thường cho [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#) 22.256.511 đồng.

[7] Bị cáo [Nguyễn Thị T](#) kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, nhưng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Việc Tòa án cấp phúc thẩm sửa hình phạt, trách nhiệm bồi thường dân sự và chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này không có lỗi của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 333, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s, b khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thị T](#) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS – ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, để sửa bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị T](#) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Buộc bị cáo [Nguyễn Thi T](#) phải trả lại cho [Công ty trách nhiệm hữu hạn M](#) 22.256.511 đồng (*Hai mươi hai triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm mười một đồng*).

4. Khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị cáo [Nguyễn Thi T](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, nhưng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/6/2025.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 TANDTC;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh (P3);
- TAND huyện Quảng Ninh;
- CCTHADS huyện Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

